

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Các thông tin chung

Công ty cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Giấy phép thành lập số 000965 GP/TLDN-03 ngày 14 tháng 1 năm 1995 và giấy phép thay thế số 000963 GP/TLDN-03 ngày 18 tháng 1 năm 1999 của Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Thuận.
- Giấy đăng ký kinh doanh số 055666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 9 tháng 3 năm 1995 và các giấy đăng ký điều chỉnh khác.

Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 2 tháng 1 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 72 Đường 19/4, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 81 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 gồm:

- Nhà máy sản xuất nước khoáng tại xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận.
- Xưởng sản xuất nước uống đóng chai tại số 678/72/32 đường Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các trạm phân phối tại: Phan Thiết, Phan Rang, Đà Lạt.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai,

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Duy Hưng	Chủ tịch
Ông Hồ Sơn Hùng	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên
Ông Lars Kjeaar	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2009

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2009 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám Đốc

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

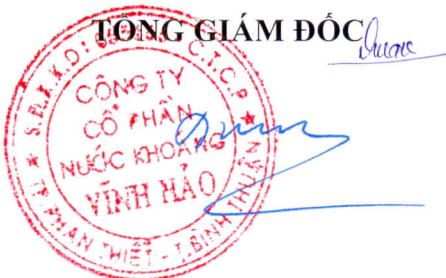
5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám Đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám Đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Phan Thiết, ngày 26 tháng 3 năm 2010



NGUYỄN HỮU DŨNG

Số: 10.284/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2010

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM VỮNG MẠN
KIỂM TOÁN
D.T.L
QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH

LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.240.623.022	66.715.395.367
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	39.519.463.206	24.184.912.108
1. Tiền	111		17.519.463.206	9.184.912.108
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	15.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	5.2	34.756.863.831	26.696.098.041
1. Phải thu khách hàng	131		31.218.273.948	25.681.698.437
2. Trả trước cho người bán	132		2.785.487.485	1.325.107.514
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1.162.416.265	342.925.011
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(409.313.867)	(653.632.921)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	22.313.207.278	13.271.753.205
1. Hàng tồn kho	141		22.409.129.688	13.367.675.615
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.922.410)	(95.922.410)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.651.088.707	2.562.632.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		172.675.590	152.580.719
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	2.209.775.184	2.074.103.111
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		268.637.933	335.948.183

(Phần tiếp theo trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.659.944.707	31.778.995.229
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		34.357.166.574	16.893.519.866
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	31.043.966.774	14.385.186.078
+ Nguyên giá	222		66.921.055.632	47.429.796.307
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.877.088.858)	(33.044.610.229)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	2.252.839.053	2.023.658.560
+ Nguyên giá	228		2.355.359.233	2.087.842.733
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(102.520.180)	(64.184.173)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	1.060.360.747	484.675.228
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	8.104.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	3.600.000.000	3.600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			23.254.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			(18.750.000.000)
V. Đầu tư dài hạn khác	260		1.702.778.133	6.780.975.363
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.003.022.133	852.288.277
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			5.298.931.086
3. Tài sản dài hạn khác	268		699.756.000	629.756.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		138.900.567.729	98.494.390.596

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.642.259.941	19.816.125.879
I. Nợ ngắn hạn	310		37.970.999.710	16.305.946.935
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	5.10	29.813.672.001	13.201.363.062
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	90.500.169	681.930.724
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.11	648.792.352	473.723.260
5. Phải trả người lao động	315	5.12	5.201.265.107	961.808.605
6. Chi phí phải trả	316	5.13	1.707.278.681	75.000.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.14	509.491.400	912.121.284
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		7.671.260.231	3.510.178.944
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	7.671.260.231	3.510.178.944
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		93.258.307.788	78.678.264.717
I. Vốn chủ sở hữu	410		93.258.307.788	78.549.218.408
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16.2	81.000.000.000	81.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.16.1	14.208.000.000	14.208.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.16.1	36.000.000	36.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.16.1	683.651.298	683.651.298
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.16.1	(2.669.343.510)	(17.378.432.890)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			129.046.309
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	5.16.1		129.046.309
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		138.900.567.729	98.494.390.596

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

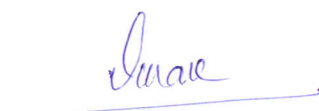
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		8.899.210.429	8.930.084.429
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		127.144,60	128.505,92
+ EUR		4.430,00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 26 tháng 3 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THANH LUÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	195.865.136.448	106.094.636.076
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	11.529.964.713	11.599.088.657
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	184.335.171.735	94.495.547.419
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	113.353.232.068	56.785.040.399
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.981.939.667	37.710.507.020
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.781.961.674	2.778.362.118
7. Chi phí tài chính	22	6.4	(10.930.702.911)	18.750.275.000
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	54.629.877.912	30.452.263.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	10.156.154.903	14.642.230.731
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.908.571.437	(23.355.900.093)
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.213.075.020	1.273.708.866
12. Chi phí khác	32	6.8	844.814.086	679.761.850
13. Lợi nhuận khác	40		1.368.260.934	593.947.016
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.276.832.371	(22.761.953.077)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	264.422.904	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	5.298.931.086	(5.298.931.086)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.713.478.380	(17.463.021.991)
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70		18.165	(21.559)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào

ĐỖ THANH LUÂN

Ngày 26 tháng 3 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.276.832.371	(22.761.953.077)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.256.865.671	2.990.258.673
Các khoản dự phòng	03		(18.994.319.054)	18.884.686.395
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		5.743.104.555	(3.471.695.839)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.282.483.543	(4.358.703.848)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.823.177.053)	5.191.714.151
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.041.454.073)	(5.828.915.008)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		25.826.134.062	6.059.730.176
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(170.828.727)	386.073.899
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(399.778.410)	(2.493.127.864)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			2.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(129.711.400)	(209.098.282)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.543.667.942	(1.250.326.776)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.798.090.110)	(4.459.606.020)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		98.619.047	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			10.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			15.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(1.987.223.257)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.816.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.674.354.219	2.765.633.535
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.209.116.844)	11.328.804.258

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(5.255.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			(5.255.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		15.334.551.098	4.822.877.482
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	24.184.912.108	19.362.034.626
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.1	39.519.463.206	24.184.912.108

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THANH LUÂN

Ngày 26 tháng 3 năm 2010



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Giấy phép thành lập số 000965 GP/TLDN-03 ngày 14 tháng 1 năm 1995 và giấy phép thay thế số 000963 GP/TLDN-03 ngày 18 tháng 1 năm 1999 của Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Thuận.
- Giấy đăng ký kinh doanh số 055666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 9 tháng 3 năm 1995 và các giấy đăng ký điều chỉnh khác.

Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 2 tháng 1 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 72 Đường 19/4, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 81 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 gồm:

- Nhà máy sản xuất nước khoáng tại xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận.
- Xưởng sản xuất nước uống đóng chai tại số 678/72/32 đường Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các trạm phân phối tại: Phan Thiết, Phan Rang, Đà Lạt.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Khai thác, chế biến nước khoáng và nước giải khát các loại.

Kinh doanh dịch vụ lữ hành, dịch vụ nhà hàng, khách sạn.

Dịch vụ tắm nước khoáng và bùn khoáng.

Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chế biến cho người.

Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc và vật nuôi cao cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí bao bì được phân bổ cho sản phẩm nhập kho theo đơn giá như sau:

	Năm 2009	Năm 2008
Chai thủy tinh	130 đồng/ sản phẩm	130 đồng/ sản phẩm
Bình xanh	2.000 đồng/ sản phẩm	2.000 đồng/ sản phẩm

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận
Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.
- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi
Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình
Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.
- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình
Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.
- Phương pháp khấu hao
Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2009

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 30 năm
Máy móc thiết bị	4 – 21 năm
Phương tiện vận tải	6 – 12 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 – 6 năm
Tài sản phúc lợi công cộng, tài sản khác	5 – 12 năm
Phần mềm vi tính	6 – 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.7. Lương

Theo Nghị quyết đại hội đại biểu cổ đông thường niên năm 2009, tổng quỹ lương năm 2009 là 12,5% doanh thu nước khoáng (thuần).

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi bán. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức từ các khoản đầu tư và được ghi nhận khi quyền của cổ đông đối với việc nhận khoản lợi tức này được thiết lập.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.581.327.924	1.277.020.912
Tiền gửi ngân hàng	15.938.135.282	7.907.891.196
Các khoản tương đương tiền	<u>22.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>
Tổng cộng	<u>39.519.463.206</u>	<u>24.184.912.108</u>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	31.218.273.948	25.681.698.437
Trả trước cho người bán	2.785.487.485	1.325.107.514
Các khoản phải thu khác	1.162.416.265	342.925.011
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	35.166.177.698	27.349.730.962
Dự phòng phải thu khó đòi	(409.313.867)	(653.632.921)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	34.756.863.831	26.696.098.041

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	11.818.292.982	6.050.382.636
Công cụ, dụng cụ	4.574.223.880	3.486.737.826
Sản phẩm dở dang	580.370.420	879.811.847
Thành phẩm	5.433.852.742	2.947.162.202
Hàng hóa	-	356.477
Hàng gửi bán	2.389.664	3.224.627
Cộng giá gốc hàng tồn kho	22.409.129.688	13.367.675.615
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95.922.410)	(95.922.410)
Giá trị thuần có thể thực hiện	22.313.207.278	13.271.753.205

5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.205.296.928	2.073.665.422
Các khoản khác phải thu Nhà Nước	4.478.256	437.688
Tổng cộng	2.209.775.184	2.074.103.111

Các khoản khác phải thu Nhà Nước là tiền thuê đất nộp thừa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẠO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.5 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	13.892.512.006	25.783.529.249	4.750.973.251	1.101.911.401	1.900.870.400	47.429.796.307
Mua trong năm	131.044.455	1.043.670.991	1.437.198.110	62.271.016	68.000.000	2.742.184.572
Đầu tư XDCB hoàn thành	55.104.266	17.157.599.343				17.212.703.609
Thanh lý, nhượng bán		(57.522.000)	(288.492.000)	(117.614.856)		(463.628.856)
Giảm khác						-
Số dư cuối năm	14.078.660.727	43.927.277.583	5.899.679.361	1.046.567.561	1.968.870.400	66.921.055.632
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	8.431.282.700	20.068.628.410	2.070.031.571	898.409.426	1.576.258.122	33.044.610.229
Khấu hao trong năm	579.021.133	1.880.305.201	554.048.962	60.813.483	144.340.885	3.218.529.664
Thanh lý, nhượng bán		(20.367.088)	(288.492.000)	(77.191.947)		(386.051.035)
Giảm khác						-
Số dư cuối năm	9.010.303.833	21.928.566.523	2.335.588.533	882.030.962	1.720.599.007	35.877.088.858
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	5.461.229.306	5.714.900.839	2.680.941.680	203.501.975	324.612.278	14.385.186.078
Tại ngày cuối năm	5.068.356.894	21.998.711.060	3.564.090.828	164.536.599	248.271.393	31.043.966.774

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.124.900.730 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Hệ thống quản lý	Phần mềm tin học	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.882.465.000	82.616.000	122.761.733	2.087.842.733
Mua trong năm	120.000.000	-	147.516.500	267.516.500
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.002.465.000	82.616.000	270.278.233	2.355.359.233
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	7.814.732	56.369.441	64.184.173
Khấu hao trong năm	-	16.523.196	21.812.811	38.336.007
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	24.337.928	78.182.252	102.520.180
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.882.465.000	74.801.268	66.392.292	2.023.658.560
Tại ngày cuối năm	2.002.465.000	58.278.072	192.095.981	2.252.839.053

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Xử lý nước thải	775.140.000	-
Cải tạo nhà máy	103.073.640	302.461.529
Văn phòng	107.552.107	107.552.107
Khác	74.595.000	74.661.592
Tổng cộng	1.060.360.747	484.675.228

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Tảo Vĩnh Hảo với tỷ lệ góp vốn là 30%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	628.345.720	485.255.687
Chi phí khác	374.676.413	367.032.590
Tổng cộng	1.003.022.133	852.288.277

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	29.813.672.001	13.201.363.062
Người mua trả tiền trước	90.500.169	681.930.724
Tổng cộng	29.904.172.170	13.883.293.786

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	371.416.732	309.732.403
Thuế tài nguyên	253.686.793	127.411.563
Các loại thuế khác	23.688.827	36.579.294
Tổng cộng	648.792.352	473.723.260

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản phải trả lương tháng 12 và thưởng năm 2009.

5.13. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí chiết khấu	969.719.624	-
Chi phí hoa hồng	530.476.475	-
Chi phí vận chuyển	117.082.582	-
Khác	90.000.000	75.000.000
Tổng cộng	1.707.278.681	75.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	4.036.463	1.314.735
Kinh phí công đoàn	161.107.656	80.683.087
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>344.347.281</u>	<u>830.123.462</u>
Tổng cộng	<u>509.491.400</u>	<u>912.121.284</u>

5.15. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của khách hàng.

(phần tiếp theo trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.16 Vốn chủ sở hữu

5.16.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cộng
Số dư đầu năm trước	81.000.000.000	14.208.000.000	36.000.000	683.651.298	5.426.035.183	252.298.509	101.605.984.990
Lợi nhuận trong năm trước					(17.463.021.991)		(17.463.021.991)
Chia cổ tức					(5.255.600.000)		(5.255.600.000)
Sử dụng quỹ						(123.252.200)	(123.252.200)
Khác					(85.846.082,00)		(85.846.082)
Số dư đầu năm nay	81.000.000.000	14.208.000.000	36.000.000	683.651.298	(17.378.432.890)	129.046.309	78.678.264.717
Lợi nhuận trong năm nay					14.713.478.380		14.713.478.380
Sử dụng quỹ						(129.046.309)	(129.046.309)
Khác					(4.389.000)		(4.389.000)
Số dư cuối năm nay	81.000.000.000	14.208.000.000	36.000.000	683.651.298	(2.669.343.510)		93.258.307.788

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

5.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị 1000 VND	Tỷ lệ (%)	Giá trị 1000 VND	Tỷ lệ (%)
- Nhà Nước	16.326.400	20,16	16.326.400	20,16
- CTCP Đại lý liên hiệp vận chuyển Gemadept	23.491.900	29,00	20.857.500	25,75
- BI Private Equity New Market K/S	20.694.800	25,55	14.539.500	17,95
- Ngân hàng TMCP Việt Á	3.399.800	4,20	3.677.900	4,54
- Temasia Capital Limited	3.477.800	4,29	3.477.800	4,29
- Ông Trần Duy Hy	1.795.400	2,22	1.795.400	2,22
- Đối tượng khác	11.813.900	14,59	20.325.500	25,09
Tổng cộng	81.000.000	100,00	81.000.000	100,00

5.16.3 Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	810.000	810.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	810.000	810.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	810.000	810.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 100.000 đồng/cổ phần.		

5.16.4 Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lãi/lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty	14.713.478.380	(17.463.021.991)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	810.000	810.000
Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phần (EPS)	18.165	(21.559)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu các sản phẩm nước	194.559.870.406	105.016.116.776
Doanh thu các sản phẩm khác	1.305.266.042	1.078.519.300
Tổng cộng	195.865.136.448	106.094.636.076
Các khoản giảm trừ	(11.529.964.713)	(11.599.088.657)
Doanh thu thuần	184.335.171.735	94.495.547.419

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn các sản phẩm nước	112.611.026.854	54.058.277.755
Giá vốn các sản phẩm khác	742.205.214	(792.784.890)
Xử lý nguyên liệu hư hỏng, bao bì mất mát	-	3.519.547.534
Tổng cộng	113.353.232.068	56.785.040.399

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	1.674.354.219	2.546.862.118
Cổ tức được chia	-	225.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	107.607.455	6.500.000
Tổng cộng	1.781.961.674	2.778.362.118

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng / hoàn nhập đầu tư tài chính	(18.750.000.000)	18.750.000.000
Lỗ hoạt động đầu tư chứng khoán	7.438.500.000	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	89.313.814	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	250.559.997	-
Chi phí tài chính khác	40.923.278	275.000
Tổng cộng	(10.930.702.911)	18.750.275.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.250.619.585	3.518.934.654
Chi phí vật liệu bao bì và đồ dùng	137.056.724	319.000.798
Chi phí khấu hao tài sản cố định	501.627.564	426.875.726
Chi phí hoa hồng bán hàng	7.775.602.469	3.235.867.409
Chi phí vận chuyển hàng hóa	15.889.013.123	10.783.071.479
Chi phí vận chuyển khoán	1.794.911.905	2.019.178.833
Chi phí khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	16.439.832.432	7.949.618.086
Chi phí khoán cố định cho các trạm	457.587.746	440.173.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.384.458.778	867.899.488
Chi phí bằng tiền khác	999.167.586	891.643.847
Tổng cộng	54.629.877.912	30.452.263.500

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.292.602.445	3.783.536.852
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	260.598.457	441.306.912
Chi phí khấu hao tài sản cố định	343.378.220	366.094.822
Thuế, phí, lệ phí	203.909.919	135.316.362
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	6.326.304.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.077.666.947	1.716.041.987
Chi phí bằng tiền khác	1.977.998.915	1.873.629.227
Tổng cộng	10.156.154.903	14.642.230.731

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ hỗ trợ dự án quản trị doanh nghiệp	1.331.119.680	-
Thu từ bán phế liệu	197.815.525	244.946.789
Thu từ thanh lý tài sản cố định	98.619.047	51.616.667
Thu khác	<u>585.520.768</u>	<u>977.145.410</u>
Tổng cộng	<u>2.213.075.020</u>	<u>1.273.708.866</u>

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị tảo chuyên trả cho CTCP Tảo Vĩnh Hảo	239.459.131	-
Giỏ xách túi PET tặng đính kèm	334.707.397	-
Thanh lý tài sản cố định	65.077.821	-
Khác	<u>205.569.737</u>	<u>679.761.850</u>
Tổng cộng	<u>844.814.086</u>	<u>679.761.850</u>

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	264.422.904	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	<u>-</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>264.422.904</u>	<u>-</u>

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ lỗ được khấu trừ thuế trong tương lai	<u>5.298.931.086</u>	<u>(5.298.931.086)</u>
Tổng cộng	<u>5.298.931.086</u>	<u>(5.298.931.086)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác

7. Thông tin về các bên có liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị và Lương của Tổng Giám đốc	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	217.500.000	216.500.000
Lương Tổng Giám đốc	<u>360.772.947</u>	<u>246.032.000</u>
Tổng cộng	<u>578.272.947</u>	<u>462.532.000</u>

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 3 năm 2010.

Ngày 26 tháng 3 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THANH LUÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU DŨNG